

Bản án số: 45/2023/DS-ST
Ngày 10 - 8 - 2023
“*V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán cám*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Lý.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Thắng và ông Y Nik Ê Ban

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 08 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 277/2022/TLST-DS, ngày 27 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán cám”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST-DS, ngày 28 tháng 07 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar. Giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thế M, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đức H. Cùng trú tại: Thôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

*** Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Hữu D. Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Hữu T. Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thế M trình bày:*

Trong khoảng thời gian từ tháng 06/2018 đến tháng 4/2019 tôi có bán cám chăn nuôi cho gia đình ông T, bà T ông H nhiều lần, đến ngày 26/04/2019 bà Vũ Thị T (vợ ông T, mẹ của ông H) có xác lập giấy nhận nợ tiền cám 130.632.000 đồng, hẹn 01 tháng sau trả nợ, nếu sai chịu lãi suất 1,5%/ tháng. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ không thực hiện theo cam kết, nên ngày 04/02/2020 ông T, bà T, ông H có xác lập giấy cam kết trả nợ đối với số tiền nêu trên, cam kết trả hàng tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, nếu sai chịu lãi suất theo ngân hàng. Đến ngày 18/06/2021 tiếp tục không trả đúng theo cam kết nên giữa các bên lại xác lập biên bản thỏa thuận với nội dung: chốt số nợ gốc tiền mua cám và lãi phát sinh của nợ gốc là 32.880.000 đồng trừ 5.000.000 đồng tiền lãi đã trả còn lại 27.880.000 đồng, trường hợp bị đơn trả đúng hạn thì ông M giảm ½ tiền lãi còn lại 13.940.000 đồng. Tổng tiền phải trả là 144.572.000 đồng. Thời điểm thỏa thuận gia đình ông T đã trả 20.000.000 đồng, còn lại 124.572.000 đồng. Các bên thống nhất thời hạn trả như sau: ngày 30/09/2021 trả 30.000.000 đồng; ngày 31/12/2021 trả 32.286.000 đồng và ngày 31/12/2022 trả 62.286.000 đồng.

Ngoài ra các bên còn cam kết đến hạn trả như thỏa thuận trên không trả hoặc trả không đầy đủ ông M được quyền khởi kiện yêu cầu trả nợ số nợ gốc và lãi phát sinh theo giấy trả nợ ngày 04/02/2020, khấu trừ vào số tiền đã trả.

Sau nhiều lần ông T, bà T, ông H không trả nợ nên đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Ea Kar yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả nợ tiền cám, khấu trừ vào số tiền 27.000.000 đồng bị đơn đã trả và tính lãi suất chậm trả, theo mức lãi các bên thỏa thuận là theo lãi ngân hàng tại thời điểm nợ là 11,5%/năm.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/03/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị T trình bày:*

Chúng tôi xác định, ông Nguyễn Đức H là con ruột của chúng tôi, còn ông Nguyễn Thế M không có quan hệ họ hàng gì. Trong quá trình làm ăn con trai là ông Nguyễn Đức H có mua bán cám với ông M, còn vợ chồng chúng tôi không mua cám, cũng không nợ tiền cám của ông M.

Đối với giấy nhận nợ ngày 26/04/2019 dưới mục người nhận nợ là chữ ký, chữ viết của bà Tuyên, lý do viết giấy nhận nợ vì ông M có mang cám tới nhà cho ông H, đồng thời nói nhận giúp nên mới ký vào văn bản ngày 26/04/2019.

Về giấy cam kết trả nợ ngày 04/02/2020 dưới mục bên cam kết trả nợ là chữ ký, chữ viết của chúng tôi và của con trai chúng tôi là ông H. Lý do ký vào giấy cam kết là do năm 2019 có nhận hộ cám cho con, nên mới nhận nợ cam kết trả cho ông M. Thời điểm ông M khởi kiện ngày 18/06/2021, tại Tòa án vợ chồng chúng tôi có lập biên bản thỏa thuận trả nợ và có trả cho ông M 20.000.000 đồng. Từ thời điểm lập biên bản ngày 18/06/2021 vợ chồng chúng tôi có trả thêm 7.000.000 đồng nhưng không lập biên bản giao nhận, cho đến nay chúng tôi đã

trả tổng cộng 27.000.000 đồng.

Hiện nay, ông M khởi kiện vợ chồng chúng tôi không đồng ý, vì chúng tôi không mua cám của ông M mà là ông H mua, do đó không đồng ý trả nợ

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ để bị đơn ông T, bà T, ông H tham gia tố tụng giải quyết vụ án, nhưng vắng mặt không lý do, nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 07 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án, nhưng bị đơn ông T, bà T, ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt lần 2 không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông T, bà T, ông H.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vi phạm các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Do yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thế M 130.632.000 đồng, khấu trừ vào số tiền đã trả trước 27.000.000 đồng, còn lại 105.632.000 đồng và lãi suất chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả nợ tiền mua cám. Đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán cám” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ tiền cám.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, người làm chứng, xác định: Từ năm 2018 – 2019 ông M có bán cám chăn nuôi cho gia đình ông T, bà T, ông H nhiều lần, đến ngày 26/04/2019 bà Vũ Thị T (vợ ông T, mẹ của ông H) có xác lập giấy nhận nợ tiền cám 130.632.000 đồng tiền cám, hạn 01 tháng trả nợ, nếu sai chịu lãi suất 1,5%/ tháng. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ không thực hiện theo cam kết, nên ngày 04/02/2020 ông T, bà T, ông H có xác lập giấy cam kết trả nợ đối với số tiền nêu trên, cam kết trả hàng tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, nếu sai chịu lãi suất theo ngân hàng. Đến ngày 18/06/2021 do bị đơn tiếp tục không trả đúng theo cam kết nên giữa các bên lại xác lập biên bản thỏa thuận với nội dung: chốt số nợ gốc tiền mua cám, cùng với lãi phát sinh 32.880.000 đồng trừ 5.000.000 đồng tiền lãi đã trả còn lại 27.880.000 đồng, trường hợp bị đơn trả đúng hạn thì ông M giảm $\frac{1}{2}$ tiền lãi còn lại 13.940.000 đồng. Tổng tiền phải trả là 144.572.000 đồng. Thời điểm thỏa thuận gia đình ông T đã trả 20.000.000 đồng, còn lại 124.572.000 đồng.

Thông nhất thời hạn trả như sau: ngày 30/09/2021 trả 30.000.000 đồng; ngày 31/12/2021 trả 32.286.000 đồng và ngày 31/12/2022 trả 62.286.000 đồng.

Ngoài ra các bên còn cam kết đến hạn trả như thỏa thuận trên không trả hoặc trả không đầy đủ ông M được quyền khởi kiện yêu cầu trả nợ số nợ gốc và lãi theo giấy trả nợ ngày 04/02/2020, khấu trừ vào số tiền đã trả.

Theo đơn khởi kiện, lời khai quá trình giải quyết vụ án, các đương sự xác định hiện bị đơn đã trả được 27.000.000 đồng tiền nợ. Do đó, cần khấu trừ vào số tiền nợ gốc là phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy, xác định cho đến hiện tại bị đơn ông T, bà T, ông H không trả đúng theo cam kết là vi phạm nghĩa vụ của bên mua được quy định tại khoản 2 Điều 440 của Bộ luật dân sự, nên việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị T, ông Nguyễn Đức H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thế M 130.632.000 đồng, khấu trừ vào số tiền đã trả trước 27.000.000 đồng, còn lại 105.632.000 đồng.

Về lãi suất chậm trả: Theo nội dung thỏa thuận ngày 18/06/2021 giữa các bên xác định trường hợp không trả đúng hạn phải chịu lãi suất theo mức lãi của ngân hàng và tính từ thời điểm xác lập giấy cam kết trả nợ ngày 04/02/2020. Xét thấy, việc thỏa thuận về lãi chậm trả, mức lãi chậm trả là phù hợp với quy định tại 357, Điều 440 của Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận.

Qua xác minh tại ngân hàng cung cấp tại thời điểm ngày 04/02/2020 lãi suất cho vay của cá nhân/hộ gia đình có kỳ hạn 12 tháng là 11,5% - 12%. Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị áp dụng mức lãi suất là 11,5% phù hợp với thỏa thuận của các bên, nên cần chấp nhận.

Lãi được tính cụ thể: 105.632.000 đồng x 11,5%/tháng x 1280 ngày (tính từ ngày 04/02/2020 đến ngày 09/08/2023) = 42.600.083 đồng.

Như vậy, tổng gốc cùng lãi chậm trả buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả là 148.232.083 đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị T là người cao tuổi, nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế M:

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị T, ông Nguyễn Đức H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thế M 148.232.083 đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, không trăm tám ba đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn phải chịu 7.411.604 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chia theo phần, mỗi người phải nộp 2.470.534 đồng.

Ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Đức H phải nộp 2.470.534 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Thế M 3.766.475 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0020308, ngày 26/10/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Ea Kar.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện EaKar;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Trí Lý